

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 26

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt được thành lập theo Quyết định số 4232/QĐ-UB ngày 09 tháng 12 năm 2004 do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng phê duyệt về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà Nước Công ty Dịch Vụ Du Lịch Đà Lạt thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4203000055 ngày 20 tháng 07 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp.

- Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là 11.000.000.000 VND (Mười một tỉ đồng)

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có những lần điều chỉnh Giấy phép như sau:

- + Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi người Đại diện pháp luật của Công ty và tăng vốn điều lệ như sau:
 - Người đại diện pháp luật Ông Nguyễn Thanh Tâm thay Ông Nguyễn Ngọc Chương
 - Tăng vốn điều lệ từ 11.000.000.000 VND lên 54.500.000.000 VND
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 05 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 54.500.000.000 VND lên 104.500.000.000 VND.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 05 năm 2008, chuẩn y việc thay đổi tên viết tắt của Công ty là DALAT TSC.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 09 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh Xây dựng kinh doanh lĩnh vực thủy điện.

- Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (063) 3 822 017 – 3 833 611 – 3 826 027

Fax : (063) 3 833 956

Mã số thuế : 5 8 0 0 1 9 4 4 5 9

- Tên và địa chỉ chi nhánh

STT Tên

Địa chỉ

- | | | |
|---|--|---|
| 1 | Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Đà Lạt (*) | Số 525, quốc lộ 20, khu phố 4, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng. |
| 2 | Trung tâm lễ hành | Số 74, Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. |

(*) Chi nhánh này thực tế chưa đi vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

• Tên và địa chỉ các đơn vị trực thuộc

<i><u>STT</u></i>	<i><u>Tên</u></i>	<i><u>Địa chỉ</u></i>
1	Khách sạn Anh Đào	Số 50 - 52, khu Hòa Bình, Tp. Đà Lạt.
2	Khách sạn Cẩm Đô	Số 81, Phan Đình Phùng, Tp. Đà Lạt
3	Khách sạn Lâm Sơn	Số 5, Hải Thượng, Tp. Đà Lạt
4	Khách sạn Mimosa	Số 170, Phan Đình Phùng, Tp. Đà Lạt
5	Khách sạn Thanh Thế	Số 118, Phan Đình Phùng, Tp. Đà Lạt
6	Khách sạn Phú Hòa	Số 16, Tăng Bạt Hổ, Tp. Đà Lạt
7	Khách sạn Hòa Bình	Số 07, Trương Công Định, Tp. Đà Lạt
8	Khách sạn Thanh Bình	Số 40-4, Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. Đà Lạt
9	Khách sạn Thủy Tiên	Số 07, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Tp. Đà Lạt
10	Khu du lịch Bobla - Liliang	Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
11	Khu du lịch Cam Ly	Số 90, Hoàng Văn Thụ, Tp. Đà Lạt
12	Khu du lịch Prenn	Chân đèo Prenn, khu phố 8, Phường 3, T Đà Lạt
13	Thương xá Latulipe	Số 01, Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. Đà Lạt

• Hoạt động chính của Công ty

- + Dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống;
- + Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành Quốc tế;
- + Hướng dẫn du lịch, các dịch vụ khác;
- + Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hàng hóa;
- + Mua, bán hàng hóa, mua bán thuốc lá nội, rượu và các loại;
- + Đại lý tiêu thụ xe gắn máy;
- + Kinh doanh gas, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- + Kinh doanh massage, karaoke, đồ uống, rượu bia;
- + Xây dựng công trình: dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, điện (chủ yếu mạng hạ thế);
- + San lấp mặt bằng, trang trí nội ngoại thất;
- + Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- + Dịch vụ xuất khẩu lao động và du học tự túc, dịch vụ vé máy bay, dịch vụ chụp ảnh màu, mua bán thiết bị chụp ảnh, ngành ảnh;
- + Chế biến nông sản, thực phẩm, khai thác khoáng sản (cát, đá, sỏi);
- + Xây dựng kinh doanh lĩnh vực thủy điện

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Chương	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Thanh Hoa	Ủy viên
Ông Trần Tam Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Ủy Viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Chương	Giám đốc
Bà Trần Thị Thanh Hoa	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Minh	Phó Giám đốc
Ông Tạ Hoàng Giang	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Quyền Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 26).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 09 năm 2010 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

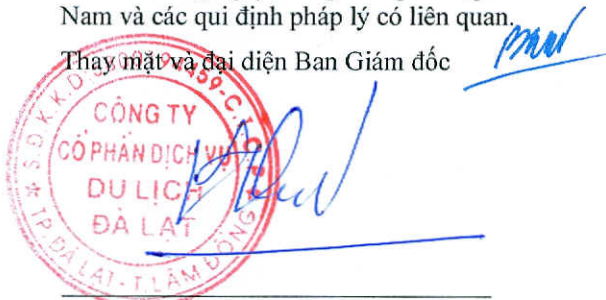
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, xác nhận rằng Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



NGUYỄN NGỌC CHƯƠNG - Giám đốc

Thành Phố Đà Lạt, ngày 04 tháng 01 năm 2011

Số: 0001/2011/BCTC-KTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 01 tháng 11 năm 2010, từ trang 07 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

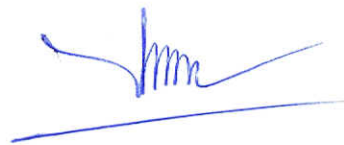
Theo ý kiến Chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ lưu ý với người đọc Báo cáo này rằng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4203000055 khoản vốn điều lệ đã đăng ký là 104.500.000.000 VND nhưng đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này số vốn góp trên chưa được thực hiện đủ. Tùy thuộc vào sự nhìn nhận của các bên liên quan, quyền và nghĩa vụ của cổ đông sẽ thay đổi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2011

**VÕ THỊ THU HƯƠNG – Phó Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0455/KTV

**NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0787 /KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.176.223.978	40.353.902.910
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	7.347.107.142	16.405.537.479
1. Tiền	111		3.326.773.809	3.439.301.279
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.020.333.333	12.966.236.200
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	20.361.960.256
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	6.000.000.000	20.361.960.256
III. Các khoản phải thu	130		3.922.516.186	2.327.511.709
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	2.875.932.421	1.438.032.837
2. Trả trước cho người bán	132	VI.4	265.820.145	281.985.596
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.5	803.863.620	607.493.276
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(23.100.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		313.288.156	689.809.610
1. Hàng tồn kho	141	VI.6	313.288.156	689.809.610
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		593.312.494	569.083.856
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	292.160.599	305.298.331
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		82.826.295	63.372.634
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154	VI.8	113.724.166	303.976
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.9	104.601.434	200.108.915
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.603.756.035	50.163.919.608
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		92.807.295.677	48.816.270.608
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.10	22.020.059.774	23.075.267.971
- Nguyên giá	222		39.885.303.070	38.131.527.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.865.243.296)	(15.056.259.892)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.11	5.250.115.000	5.250.115.000
- Nguyên giá	228		5.250.115.000	5.250.115.000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	65.537.120.903	20.490.887.637
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.13	673.507.994	-
1. Đầu tư vào Công ty liên danh, liên kết	252		800.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(126.492.006)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.122.952.364	1.347.649.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.14	842.090.364	1.061.787.000
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.15	280.862.000	285.862.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		112.779.980.013	90.517.822.518

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		42.619.524.919	19.601.793.245
I. Nợ ngắn hạn	310		17.932.602.811	14.465.379.379
1. Phải trả cho người bán	312	VI.16	6.883.076.899	6.980.660.820
2. Người mua trả tiền trước	313		525.500	1.000
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.17	1.384.441.277	300.678.839
4. Phải trả công nhân viên	315	VI.18	1.401.427.371	926.377.118
5. Chi phí phải trả	316	VI.19	250.767.296	121.481.008
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.20	7.606.082.838	5.777.651.990
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		6.193.710	6.193.710
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	VI.21	400.087.920	352.334.894
II. Nợ dài hạn	330		24.686.922.108	5.136.413.866
1. Phải trả dài hạn khác	333	VI.22	5.140.817.199	5.132.697.199
2. Vay và nợ dài hạn	334	VI.23	19.452.160.139	-
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		81.310.980	-
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		12.633.790	3.716.667
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.160.455.094	70.916.029.273
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.24	70.160.455.094	70.916.029.273
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		59.132.500.000	54.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.785.000.000	4.785.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.151.308.699	2.848.088.441
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		636.084.545	463.586.782
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.455.561.850	8.319.354.050
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		112.779.980.013	90.517.822.518

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHI TIẾT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý		-	307.734.483
Ngoại tệ các loại		1.565,00	2.254,00
USD		1.565,00	2.254,00

Thành Phố Đà Lạt, ngày 01 tháng 11 năm 2010

NGUYỄN NGỌC CHƯƠNG

Giám đốc

NGUYỄN VINH BẢO

Quyền Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

(Có so sánh với số liệu năm trước)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		51.254.500.123	32.331.364.146
2. Các khoản giảm trừ	03		164.586.564	153.821.749
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	51.089.913.559	32.177.542.397
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	41.060.425.111	24.281.611.386
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.029.488.448	7.895.931.011
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	1.819.440.014	2.181.738.274
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	148.289.283	1.311.610
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5	7.126.233.815	4.629.209.802
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.574.405.364	5.447.147.873
11. Thu nhập khác	31	VII.6	473.466.555	69.577.564
12. Chi phí khác	32	VII.7	113.721.119	44.147.329
13. Lợi nhuận khác	40		359.745.436	25.430.235
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		4.934.150.800	5.472.578.108
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.8	1.693.229.453	488.056.408
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		3.240.921.347	4.984.521.700
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		548,08	914,59

Thành Phố Đà Lạt, ngày 01 tháng 11 năm 2010



NGUYỄN NGỌC CHUÔNG

Giám đốc

NGUYỄN VĨNH BẢO

Quyền Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

24 Trần Phú, phường 3, Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		4.934.150.800	5.472.578.108
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			1.448.305.882	(272.677.849)
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.866.662.273	2.055.327.500
- Các khoản dự phòng	03		149.592.006	(39.416.282)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		888.920	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.568.837.317)	(2.288.589.067)
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		6.382.456.682	5.199.900.259
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.655.470.847)	2.514.064.558
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		376.521.454	(1.398.690)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuê thu nhập phải nộp)	11		2.348.563.669	7.465.342.834
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		232.834.368	(322.277.445)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.267.716.822)	-
- Thuế thu nhập đã nộp	14		(518.775.513)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(302.442.500)	(32.650.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		5.600.970.491	14.822.981.516
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(45.691.977.332)	(16.411.033.397)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		454.545	14.242.424
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		14.361.960.256	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(800.000.000)	14.629.955.044
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.670.389.584	2.074.622.409
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(30.459.172.947)	307.786.480
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		19.452.160.139	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.651.499.100)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		15.800.661.039	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		(9.057.541.417)	15.130.767.996
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		16.405.537.479	1.274.769.483
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(888.920)	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	VI.1	7.347.107.142	16.405.537.479

Thành Phố Đà Lạt, ngày 01 tháng 11 năm 2010

NGUYỄN NGỌC CHUÔNG
Giám đốc

NGUYỄN VINH BẢO
Quyền Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010 của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Du Lịch Đà Lạt (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ du lịch.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Đại hội đồng Cổ đông năm 2008 ngày 06 tháng 04 năm 2009 quyết định chuyển niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 kết thúc 30 tháng 09 năm sau.

Năm tài chính bắt đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009 và kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010 là năm tài chính thứ 06 của Công ty và là năm thứ hai Công ty đổi niên độ kế toán.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 30/09/2009 là	:	16.991 VND/USD
Ngày 30/09/2010 là	:	18.932 VND/USD

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn dưới 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên

Phương pháp đánh giá: Bình quân gia quyền

4. Nguyên tắc dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được lập dự phòng giảm giá theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết để tiêu thụ chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 08
Cây lâu năm	6 - 40

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

8. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng có thời gian sử dụng dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn gồm các khoản công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng và chi phí sửa chữa phân bổ tối đa không quá 8 năm

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo điều lệ của Công ty:

- | | |
|-----------------------------|--|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% |
| • Quỹ dự phòng tài chính | 5% |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 10% |

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm và giảm 50% cho 2 năm tiếp theo kể từ khi doanh nghiệp có lãi.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010 là năm thứ tư Công ty kinh doanh có lãi và là năm thứ hai được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty được miễn 30% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với Doanh thu trong kỳ.

14. Các bên liên quan

Các Bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh VIII.2

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
(a) Tiền mặt	235.791.637	272.657.881
(b) Tiền gửi Ngân hàng	3.090.982.172	3.166.643.398
- Ngân hàng NN & PT Nông thôn – VND	2.491.529.769	2.764.481.629
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Lâm Đồng – VND	119.002.332	191.195.404
- Ngân hàng Sài Gòn thương tín Đà Lạt – VND	319.794.327	58.152.713
- Ngân hàng Sài Gòn thương tín Tp.Hồ Chí Minh - VND	18.033.414	149.811.134
- Ngân hàng Eximbank Đà Lạt – VND	1.586.842	1.524.209
- Ngân hàng Ngoại Thương – CN Đà Lạt – VND	90.887.894	989.000
- Ngân hàng TM CP Sài Gòn Hà Nội	50.147.594	489.309
(c) Các khoản tương đương tiền	4.020.333.333	12.966.236.200
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	4.020.333.333	12.966.236.200
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	7.347.107.142	16.405.537.479

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.000.000.000	-
- Ngân hàng Eximbank - CN Đà Lạt	-	14.531.960.256
- Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT – VND	-	830.000.000
- Ngân hàng Ngoại Thương - CN Đà Lạt	-	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – CN Lâm Đồng	5.000.000.000	-
Cộng	6.000.000.000	20.361.960.256

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trường Kỹ thuật Đà Lạt	574.786.435	352.045.779
- Trường THPT Thăng Long	206.567.606	206.567.606
- KH của TT lữ hành Dalattoserco	607.065.200	118.681.545
- Nhà hàng Hoàng Lan (Nông Văn Cường)	30.727.658	31.374.707
- Nguyễn Thị Ngọc Lan	25.300.000	34.000.000
- Nguyễn Thị Xuân Sắc	555.491.849	144.102.859
- Lê Văn Báo	133.222.771	19.851.626
- Nguyễn Vũ Quỳnh Như	77.000.000	70.400.000
- Đoàn Văn Nghiêm	81.716.702	31.510.731
- Khách hàng khác	584.054.200	429.497.984
Cộng	<u>2.875.932.421</u>	<u>1.438.032.837</u>

4. Trả trước cho người bán

- Đặt cọc tour	162.355.000	108.032.996
- Đền bù giải phóng mặt bằng	-	100.000.000
- Khách hàng khác	103.465.145	73.952.600
Cộng	<u>265.820.145</u>	<u>281.985.596</u>

5. Phải thu khác

- Văn phòng công ty	458.585.429	351.397.423
- Xí nghiệp Dịch vụ Xây dựng Du lịch	-	57.192.003
- Khách hàng của Trung Tâm Lữ hành Dalattoserco	53.744.909	63.910
- Bảo hiểm xã hội	109.995.963	7.756.112
- Phải thu khác	181.537.319	191.083.828
Cộng	<u>803.863.620</u>	<u>607.493.276</u>

6. Hàng tồn kho

- Nguyên liệu, vật liệu	68.293.462	86.158.342
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	244.994.694	601.657.593
- Hàng hóa	-	1.993.675
Cộng	<u>313.288.156</u>	<u>689.809.610</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	151.356.859	228.003.898	287.747.752	91.613.005
- Chi phí sửa chữa thường xuyên	32.923.486	46.385.455	52.257.691	27.051.250
- Chi phí thuê nhà	39.930.000	267.395.000	263.402.000	43.923.000
- Chi phí khác	81.087.986	504.865.554	456.380.196	129.573.344
Cộng	305.298.331	1.046.649.907	1.059.787.639	292.160.599

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế tài nguyên nộp thừa	1.031.040	-
- Thuế nhà đất nộp thừa	112.693.126	-
- Thuế giá trị gia tăng	-	303.976
Cộng	113.724.166	303.976

9. Tài sản ngắn hạn khác

<i>Tạm ứng</i>	<i>104.601.434</i>	<i>200.108.915</i>
- Đinh Thị Thanh Hiền	34.009.577	34.009.577
- Vũ Văn Dũng	6.961.970	8.184.000
- Lê Văn Báo	16.877.638	-
- Nguyễn Thị Thanh Trang	20.000.000	-
- Nguyễn Thị Liên	-	11.536.104
- Lê Quốc Bảo	-	60.530.300
- Nhân viên khác	26.752.249	85.848.934
Cộng	104.601.434	200.108.915

10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị Quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá							
1. Số đầu năm	32.854.254.810	4.364.678.775	427.563.973	283.664.512	201.365.793	-	38.131.527.863
2. Số tăng trong năm	1.342.628.979	454.545.455	-	66.286.454	-	50.000.000	1.913.460.888
- Mua trong năm		454.545.455		66.286.454		50.000.000	570.831.909
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.271.538.271	-	-	-	-	-	1.271.538.271
- Tăng khác	71.090.708			-	-	-	71.090.708
3. Số giảm trong năm	132.429.681	-	-	27.256.000	-	-	159.685.681

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị Quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
- Thanh lý, nhượng bán	34.538.845	-	-	27.256.000	-	-	61.794.845
- Giảm khác	97.890.836	-	-	-	-	-	97.890.836
4. Số cuối năm	34.064.454.108	4.819.224.230	427.563.973	322.694.966	201.365.793	50.000.000	39.885.303.070
II. Giá trị hao mòn							
1. Số đầu năm	12.147.901.730	2.320.943.492	342.297.320	187.805.126	57.312.224	-	15.056.259.892
2. Số tăng trong năm	2.370.961.554	418.485.034	21.770.207	43.055.460	8.223.353	4.166.665	2.866.662.273
- Khấu hao trong năm	2.334.541.580	418.485.034	21.770.207	43.055.460	8.223.353	4.166.665	2.830.242.299
- Tăng khác	36.419.974	-	-	-	-	-	36.419.974
3. Số giảm trong năm	30.422.869	-	-	27.256.000	-	-	57.678.869
- Thanh lý, nhượng bán	11.450.940	-	-	27.256.000	-	-	38.706.940
- Giảm khác	18.971.929	-	-	-	-	-	18.971.929
4. Số cuối năm	14.488.440.415	2.739.428.526	364.067.527	203.604.586	65.535.577	4.166.665	17.865.243.296
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu năm	20.706.353.080	2.043.735.283	85.266.653	95.859.386	144.053.569	-	23.075.267.971
2. Số cuối năm	19.576.013.693	2.079.795.704	63.496.446	119.090.380	135.830.216	45.833.335	22.020.059.774
11. Tài sản cố định vô hình					5.250.115.000		
Quyền sử dụng đất không thời hạn							
12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang							
					Số cuối năm	Số đầu năm	
- Công trình thác Cam Ly					1.518.519.941	734.872.238	
- Công trình Khu du lịch thác Prenn					21.275.459.719	1.210.991.027	
- Công trình Khách sạn Đà Lạt Plaza					40.140.743.316	16.878.973.713	
- Quy hoạch dự án Khu du lịch thác Lilieng					200.273.273	139.940.773	
- Quy hoạch dự án Khu du lịch thác Bobla					2.268.200.791	1.400.156.223	
- Những công trình khác					133.923.863	125.953.663	
Cộng					65.537.120.903	20.490.887.637	
13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn							
- Đầu tư liên kết với công ty TNHH Tét					800.000.000	-	
- Dự phòng đầu tư dài hạn					(126.492.006)	-	
Cộng					673.507.994		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	526.249.981	159.102.091	385.674.477	299.677.595
- Chi phí sửa chữa lớn	524.146.876	438.013.363	436.413.595	525.746.644
- Chi phí khác	11.390.143	24.000.000	18.724.018	16.666.125
Cộng	1.061.787.000	621.115.454	840.812.090	842.090.364

15. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký quỹ lễ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
- Thuê máy photo	-	5.000.000
- Đặt cọc thuê nhà 27 Nguyễn Thái Bình	15.862.000	15.862.000
- Đặt cọc nhận khoán khách sạn Thủy Tiên	15.000.000	15.000.000
Cộng	280.862.000	285.862.000

16. Phải trả cho người bán

- Công ty CP Hải Vân Nam	5.220.000.000	5.220.000.000
- Công ty CP TV XD Lập TKKT	-	405.000.000
- Công ty XD Công Nghệ Thủy Lợi - Bobla	103.647.400	103.647.400
- Công ty CP Hồng Phúc	-	79.312.428
- Nguyễn Quốc Hào	30.132.358	50.132.358
- Đinh Thị Thanh Hiền	16.584.600	60.325.727
- Công ty Việt Havico	311.252.050	-
- Công ty TNHH APC	184.713.870	-
- Trương Thanh	-	56.774.228
- DNTN XD Tấn Dũng	-	47.796.000
- Nguyễn Đức Nhật	65.758.884	33.072.840
- Nguyễn Xuân Võ	-	22.818.000
- Nguyễn Thế Sơn	21.616.573	22.865.323
- Dịch vụ lễ hành	269.584.773	27.174.194
- Hồ Văn Dũng	40.533.077	8.902.600
- Khách hàng khác	619.253.314	842.839.722
Cộng	6.883.076.899	6.980.660.820

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I.	Thuế	300.374.863	3.222.748.536	2.252.406.288	1.270.717.111
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa văn phòng	(303.976)	482.059.633	481.755.657	-
2.	Thuế GTGT hàng nội địa TT lữ hành	6.092.217	201.476.441	193.903.241	13.665.417
3.	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	33.038.399	33.038.399	-
4.	Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.907.693	164.586.564	161.567.684	11.926.573
5.	Thuế xuất, nhập khẩu	-	63.653.958	63.653.958	-
6.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	168.056.408	1.693.229.453	518.775.513	1.342.510.348
7.	Thuế tài nguyên (*)	-	133.200	1.164.240	(1.031.040)
8.	Thuế nhà đất, tiền thuê đất (*)	108.079.755	451.216.611	671.989.492	(112.693.126)
9.	Các loại thuế khác	9.542.766	133.354.277	126.558.104	16.338.939
	- Thuế thu nhập cá nhân	9.542.766	117.354.277	110.558.104	16.338.939
	- Thuế khác		16.000.000	16.000.000	-
II.	Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
	Tổng cộng	300.374.863	3.222.748.536	2.252.406.288	1.270.717.111

(*) Thuế Giá trị gia tăng, thuế tài nguyên và thuế nhà đất được thể hiện trên chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Xem thuyết minh số VI.8)

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ : 10%

Tại điều 1 thông tư 13/2009/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 01 năm 2009 hướng dẫn thực hiện giảm thuế giá trị gia tăng, Công ty được giảm 50% thuế giá trị gia tăng đối với cung cấp dịch vụ kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành trọn gói cho năm 2009.

• **Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh massage, karaoke với thuế suất 30%.

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.11)

• **Thuế nhà đất, tiền thuê đất**

Công ty nộp tiền thuê đất với diện tích đang sử dụng nhằm mục đích làm văn phòng và dịch vụ du lịch theo thông báo nộp tiền thuê hàng năm của chi cục thuế Tp. Đà Lạt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

18. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lương phải trả cuối năm tài chính	507.628.344	311.039.898
- Lương tháng 13	893.799.027	615.337.220
Cộng	1.401.427.371	926.377.118

19. Chi phí phải trả

- Văn phòng công ty	194.442.556	62.764.428
- Khách sạn Cẩm Đô	13.763.636	20.798.889
- Phải trả khác	42.561.104	37.917.691
Cộng	250.767.296	121.481.008

20. Phải trả phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	19.308.032	24.857.437
- Phải trả về cổ phần hóa	41.850.745	41.850.745
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	349.452.560	237.224.015
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.195.471.501	5.473.719.793
+ Dự án thác Prenn	2.236.000.000	2.236.000.000
+ Đặt cọc để mua cổ phiếu	2.125.548.388	2.125.548.388
+ TT Lữ Hành	254.638.437	188.050.827
+ Sở KHCN Lâm Đồng	40.000.000	40.000.000
+ XN Xây Dựng	38.747.000	71.968.000
+ Hồ Xuân Hoàng	1.500.000.000	-
+ Khách sạn Ngọc Lan	623.610.000	623.610.000
+ Các khoản khác	376.927.676	188.542.578
Cộng	7.606.082.838	5.777.651.990

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng phúc lợi	352.334.894	344.995.526	297.242.500	400.087.920
Cộng	352.334.894	344.995.526	297.242.500	400.087.920

22. Phải trả dài hạn khác

5.140.817.199 5.132.697.199

Khoản nhận tiền ký quỹ mặt bằng của các hộ kinh doanh tại Thương xá Latulipe, Nhà hàng, Khách sạn và các khu du lịch khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

23. Vay dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đà Lạt	-	19.452.160.139	-	19.452.160.139
	-	19.452.160.139	-	19.452.160.139

Hợp đồng vay số 0510/TDA /09CD- VND - KS Đà Lạt Plaza ngày 02 tháng 12 năm 2009 ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Lạt

Hạn mức vay 2.550.000 USD cho vay bằng VND hoặc USD

Thời hạn vay 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất huy động tiền gửi VND 12 tháng do Hội sở chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố (lãi suất tham chiếu) cộng với biên độ là 3,6%/năm (đối với khoản vay bằng VND), 2,7%/năm (đối với khoản vay bằng USD). Lãi suất thay đổi 3 tháng 1 lần vào ngày bắt đầu của mỗi kỳ hạn tính lãi (thay đổi lãi suất tham chiếu)

Mục đích vay Dự án đầu tư xây dựng và khai thác Khách sạn Best Western Đà Lạt Plaza trên diện tích khu đất số 09, đường Lê Đại Hành, phường 3, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng do công ty CP Dịch vụ Du lịch Đà Lạt

Tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0510/TDA/09 TC ngày 02 tháng 10 năm 2009.

24. Vốn chủ sở hữu

Năm trước	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59.285.000.000	-	-	59.285.000.000
Vốn cổ phần	54.500.000.000	-	-	54.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	4.785.000.000	-	-	4.785.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	4.675.150.530	4.984.521.700	1.340.318.180	8.319.354.050
Các quỹ	2.400.086.869	911.588.354	-	3.311.675.223
Quỹ đầu tư phát triển	2.150.865.000	697.223.441	-	2.848.088.441
Quỹ dự phòng tài chính	249.221.869	214.364.913	-	463.586.782
CỘNG	66.360.237.399	5.896.110.054	1.340.318.180	70.916.029.273

Năm nay	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59.285.000.000	4.632.500.000	-	63.917.500.000
Vốn cổ phần	54.500.000.000	4.632.500.000	-	59.132.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	4.785.000.000	-	-	4.785.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	8.319.354.050	3.240.921.347	8.104.713.547	3.455.561.850
Các quỹ	3.311.675.223	172.497.763	696.779.742	2.787.393.244
Quỹ đầu tư phát triển	2.848.088.441	-	696.779.742	2.151.308.699
Quỹ dự phòng tài chính	463.586.782	172.497.763	-	636.084.545
CỘNG	70.916.029.273	8.045.919.110	8.801.493.289	70.160.455.094

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Cổ tức

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành chia cổ tức năm 2007, 2008 bằng cổ phiếu theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2009 ngày 06 tháng 04 năm 2009, Thông báo số 298/TB-DLĐL và Công văn số 2655/UBCK-QLPH.

Đồng thời, Hội đồng quản trị Công ty cũng đã tiến hành chia cổ tức năm 2009 bằng tiền theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2010 ngày 29 tháng 01 năm 2010.

Công ty chưa công bố việc chia cổ tức năm 2010.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay		Năm trước	
	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị
- Vốn góp của Nhà nước	608.685	6.086.850.000	561.000	5.610.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Tâm	828.398	8.283.980.000	763.500	7.635.000.000
- Ông Nguyễn Ngọc Chương	136.271	1.362.710.000	125.595	1.255.950.000
- Bà Trần Thị Thanh Hoa	121.160	1.211.600.000	112.160	1.121.600.000
- Ông Nguyễn Đức Mạnh	24.413	244.130.000	22.500	225.000.000
- Ông Vũ Văn Minh	84.646	846.460.000	78.015	780.150.000
- Ông Trần Huy Bảy	10.145	101.450.000	9.350	93.500.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	4.099.532	40.995.320.000	3.777.880	37.778.800.000
Cộng	5.913.250	59.132.500.000	5.450.000	54.500.000.000

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.450.000	10.450.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.913.250	5.450.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.913.250</i>	<i>5.450.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.913.250	5.450.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.913.250</i>	<i>5.450.000</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	2.151.308.699	2.848.088.441
- Quỹ dự phòng tài chính	636.084.545	463.586.782
Cộng	2.787.393.244	3.311.675.223

Theo Điều lệ Công ty:

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế. Trong năm Công ty đã chi thưởng các ngày lễ tết cho nhân viên, chi hiếu hỉ và ủng hộ các cơ quan đoàn thể bằng quỹ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được hình thành từ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi theo Công văn số 499/TC/TCDN ngày 16/01/2002 của Cục Tài chính Doanh nghiệp. Quỹ đầu tư phát triển trong năm giảm là do tính bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 cho khoản thu nhập từ hoạt động cho thuê mặt bằng theo hướng dẫn tại công văn 7250/BTC-TCT ngày 7/6/2010, Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	51.254.500.123	32.331.364.146
- Doanh thu bán hàng hóa	2.549.764.089	1.776.237.257
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.203.839.549	30.556.693.409
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	500.896.485	(1.566.520)
Các khoản giảm trừ	164.586.564	153.821.749
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	164.586.564	153.821.749
Doanh thu thuần	51.089.913.559	32.177.542.397

2. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng hóa đã bán	1.626.591.527	1.142.615.005
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	471.458.694	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	38.962.374.890	23.138.996.381
Cộng	41.060.425.111	24.281.611.386

3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi	1.670.389.584	2.074.622.409
- Lãi thu do nộp chậm tiền thuê mặt bằng	145.717.062	102.885.296
- Doanh thu khác	3.333.368	4.230.569
Cộng	1.819.440.014	2.181.738.274

4. Chi phí tài chính

- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.888.136	-
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.734.048	-
- Chi phí dự phòng	126.492.006	-
- Khác	1.175.093	1.311.610
Cộng	148.289.283	1.311.610

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

5. Chi phí quản lý

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	3.859.074.687	2.497.072.419
- Chi phí đồ dùng	187.780.366	108.235.431
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.818.723	70.007.954
- Thuế, phí, lệ phí	61.727.573	127.134.203
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.943.611	189.796.390
- Chi phí bằng tiền khác	2.731.888.855	1.636.963.405
Cộng	7.126.233.815	4.629.209.802

6. Thu nhập khác

- Thu từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	1.818.180	22.760.606
- Thu phạt từ các đơn vị nhận khoán	458.357.852	-
- Thu khác	13.290.523	46.816.958
Cộng	473.466.555	69.577.564

7. Chi phí khác

- Chi phí thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	22.901.905	34.003.038
- Chi phí khác	90.819.214	10.144.291
Cộng	113.721.119	44.147.329

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Lợi nhuận trước thuế	4.934.150.800	5.472.578.108
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	128.466.191	109.137.359
+ <i>Chi phí kế toán</i>	<i>128.466.191</i>	<i>109.137.359</i>
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	3.927.944
+ <i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ</i>	<i>-</i>	<i>3.927.944</i>
- Tổng thu nhập chịu thuế	5.062.616.991	5.577.787.523
- Thuế suất	25%	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.265.654.248	1.394.446.881
- Chi phí thuế TNDN được giảm	60.170.614	906.390.473
+ <i>Giảm 50%</i>	<i>-</i>	<i>697.223.441</i>
+ <i>Giảm 30% theo TT13</i>	<i>60.170.614</i>	<i>209.167.032</i>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm 2009	487.745.819	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành dự tính phải nộp	1.693.229.453	488.056.408

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.

Số liệu đầu năm đã được điều chỉnh trình bày khoản phải thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ phải thu khách hàng sang chỉ tiêu các khoản phải thu khác với số tiền 135.002.938 VND.

Theo hướng dẫn của Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2010, điều chỉnh trình bày lại một số chỉ tiêu như sau:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số cũ</u>	<u>Mã số mới</u>
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	413	323
- Doanh thu chưa thực hiện	313	338

Năm 2010 Công ty thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp.

2. Nghiệp vụ các bên có liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên có liên quan như sau:

- Lương và các khoản theo lương trong năm

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Số tiền</u>
- Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch	280.600.000
- Nguyễn Ngọc Chương	Phó Chủ tịch	280.600.000
- Trần Thị Thanh Hoa	Ủy viên	234.074.511
- Vũ Văn Minh	Ủy viên	125.356.250
- Tạ Hoàng Giang	Phó Giám đốc	34.500.000
- Nguyễn Vĩnh Bảo	Q. KT trưởng	117.994.275
Cộng		1.073.125.036

- Thù lao hội đồng quản trị trong năm

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Số tiền</u>
- Nguyễn Thanh Tâm	Chủ tịch	23.334.634
- Nguyễn Ngọc Chương	Phó Chủ tịch	21.390.081
- Nguyễn Văn Phẩm	Ủy viên	17.500.975
- Vũ Văn Minh	Ủy viên	5.833.658
- Trần Tam Phúc	Ủy viên	11.667.317
- Trần Thị Thanh Hoa	Ủy viên	17.500.975
Cộng		97.227.640

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐÀ LẠT

Số 24, Đường Trần Phú, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo.)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	16,12	44,58
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	83,88	55,42
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	37,79	21,66
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	62,21	78,34
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,65	4,62
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,01	2,79
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,00	2,74
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	9,66	17,01
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,34	15,49
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	4,38	6,05
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2,87	5,51
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	5,07	8,41

Thành Phố Đà Lạt, ngày 01 tháng 11 năm 2010



NGUYỄN NGỌC CHUÔNG
Giám đốc


NGUYỄN VĨNH BẢO
Quyền Kế toán trưởng